

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2020/HS-PT
Ngày 02-3-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Kim Loan

Các Thẩm phán: 1. Ông Phan Nguyên Nguyên

2. Ông Bùi Đức Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Khánh - Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 67/2020/HSPT ngày 10 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo Phạm Ngọc T do có kháng cáo của bị cáo và ông L.T.T1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 219/2019/HS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Phạm Ngọc T; giới tính: nam; sinh năm 1988 tại tỉnh Bình Dương; thường trú: số A KP TL, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương; chỗ ở: Số A1 KP BH, phường B1, thị xã C, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa: 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông: PNN và bà: HNH; hoàn cảnh gia đình: bị cáo có vợ và 01 con (sinh năm 2015); tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giam từ ngày: 06/8/2019 (có mặt).

- Bị hại:

Ông Lê Minh P, sinh năm 1998 (vắng mặt)

Trú tại: ấp A2, xã B2, huyện C1, tỉnh Đồng Nai

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông N.M.T2, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Trú tại: số A3 ấp TN, xã B3, huyện C2, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền của ông N.M.T2:

Ông L.T.T1, sinh năm 1987 (có mặt)

Trú tại: số A3 ấp TN, xã B3, huyện C2, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Ông L.T.T1, sinh năm 1987 (có mặt) (ông T1 có kháng cáo)

Trú tại: số A3 ấp TN, xã B3, huyện C2, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 23 giờ 30 phút ngày 11/5/2019, trước nhà số A6 đường DVD, ấp TH, xã B4, huyện C3, Thành phố Hồ Chí Minh xảy ra vụ tai nạn giao thông giữa xe mô tô biển số 60B4-YYYY.YY do Lê Minh P điều khiển với xe ô tô biển số 57M-TTTT do Phạm Ngọc T điều khiển. Sau tai nạn, Phạm Ngọc T điều khiển xe rời khỏi hiện trường. Hậu quả là ông Lê Minh P bị đập nát vai ngực cánh trái hoàn toàn, tháo khớp vai, chấn thương đầu.

Qua xác minh, ngày 13/5/2019, Đội Cảnh sát giao thông – trật tự Công an huyện Hóc Môn tạm giữ chiếc xe ô tô biển số 57M-TTTT do Phạm Ngọc T điều khiển.

■ Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 516/TgT.19 ngày 20/6/2019 của Trung tâm pháp y Thành phố Hồ Chí Minh (BL 40-42) ghi nhận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Sây sát da vùng trán, mặt, hiện còn các vết tăng sắc tố da phẳng:

+ Tại trán trái mờ trên diện 5x2,2cm.

+ Tại vùng ngoài gò má mặt trái trên diện 5x2cm rõ, ảnh hưởng thẩm mỹ.

+ Tại vùng trước dưới vành tai, da tai trái kích thước 2,5x2,3cm.

+ Tại vùng mặt phải trên diện 3,2x2cm rõ, ảnh hưởng thẩm mỹ.

+ Tại vùng dưới cằm trên diện 4,8x1,6cm.

- Lâm sàng không ghi nhận gì về chấn thương mắt, hiện thị lực hai mắt bình thường.

- Chấn thương gây đập nát xương, khớp và mô mềm vùng vai, ngực trên và đầu trên cánh tay trái, với tình trạng nguy kịch khi vào viện, đã được điều trị cấp cứu tích cực tạo mỗm cụt khớp vai trái, hiện còn sẹo mổ tạo vạt da che lấp vùng mỗm cụt kích thước 27x(0,3-1,2)cm và sẹo dẫn lưu kích thước 1x1cm tại vùng vai ngực trái, hình ảnh không còn xương vai trái, xương tay trái, 1/2 ngoài xương đòn trái và hình ảnh can xương tại bốn xương sườn 1, 2, 3, 4 ngực trái trên phim chụp cắt lớp vi tính lồng ngực.

2. Theo Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế quy định tỉ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần:

Tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 78%.

■ Tại Kết luận giám định số 2598/C09B ngày 20/6/2019 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh (BL 39) thể hiện:

- Các dấu vết phía trước bên trái xe mô tô biển số 60B4-YYYY.YY (trượt xước bám chất màu đen, cong biến dạng các chi tiết: gương chiếu hậu, cụm tay lái, bánh trước, giảm xóc trước, cần số, lốc máy, đế chân trước, trượt xước mất sơn màu đỏ bám chất màu đen, gãy vỡ cánh yếm) có chiều từ trước về sau phù hợp với các dấu vết trượt xước sạch bụi, bám chất màu đỏ mặt ngoài bánh bên trái trục 2 và 3 xe ô tô biển số 57M-TTTT có chiều từ mặt lặn vào tâm, ngược chiều quay tiến của bánh xe.

- Dấu vết trượt xước, cong biến dạng các chi tiết bên phải xe mô tô biển số 60B4-YYYY.YY (tay lái, tay thắng, cung trước chắn bùn bánh trước, đế chân trước, chân phanh, ốp pô) phù hợp và chạm với mặt đường.

- Trên cơ sở cơ chế hình thành dấu vết và hồ sơ vụ tai nạn giao thông nêu trên, xác định:

+ Phía trước bên trái xe mô tô biển số 60B4-YYYY.YY và phía sau bên trái xe ô tô biển số 57M-TTTT là vị trí va chạm đầu tiên giữa hai phương tiện.

+ Vị trí va chạm đầu tiên giữa hai phương tiện chiếu xuống mặt đường nằm trước dấu vết cày ký hiệu số 3, thuộc phần bên phải đường DVD theo hướng từ CX đến chợ HM.

■ Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông (dừng lại) ngày 20/5/2019 (BL 57-60) thể hiện:

Hiện trường nơi xảy ra tai nạn là đoạn đường thẳng được tráng nhựa tương đối bằng phẳng, đường DVD rộng 06m 60, được áp dụng lưu thông 02 chiều, ở giữa có kẻ vạch sơn không liên tục và 02 chiều rộng đều nhau là 03m 30. Nơi đây không có chương ngại vật hay biển báo hiệu.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 219/2019/HS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc T phạm “Tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 260; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/8/2019.

Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc ông L.T.T1 bồi thường cho ông Lê Minh P số tiền 350.000.000 (ba trăm năm mươi triệu) đồng, thi hành khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ trả lãi trong trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền; tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xử sơ thẩm, ngày 09/12/2019, bị cáo Phạm Ngọc T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 12/12/2019, ông L.T.T1 có đơn kháng cáo xin giảm số tiền bồi thường cho bị hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Ngọc T khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Bản án sơ thẩm ghi nhận và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị cáo xác định sau khi đụng vào xe mô tô biển số 60B4-YYYY.YY do ông Lê Minh P điều khiển, bị cáo có xuống xe và thấy bị hại đang trong tình trạng bị thương nặng nhưng nghĩ có người sẽ đưa ông P đi cấp cứu nên đã điều khiển xe ô tô biển số 57M-TTTT đi tiếp.

Ông L.T.T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, cho rằng trong vụ án này, cả bị cáo lẫn bị hại đều có lỗi, trong đó bị hại đã sử dụng rượu vượt mức quy định nên đề nghị chỉ bồi thường số tiền 100.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phân tích tính chất của vụ án, mức độ của hành vi phạm tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhận định mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp, bản thân bị cáo tại giai đoạn phúc thẩm cũng không có tình tiết mới để xem xét cho yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt. Bên cạnh đó, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cũng xem xét hậu quả của vụ án trong mối quan hệ nhân quả với hành vi phạm tội của bị cáo và yêu cầu bồi thường của bị hại cùng quy định pháp luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra, nhận định số tiền bồi thường thiệt hại mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp các yếu tố nêu trên nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm phần nội dung này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào lúc 23 giờ 30 phút ngày 11/5/2019, tại trước nhà số A6 đường DVD, ấp TH, xã B4, huyện C3, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Phạm Ngọc T điều khiển xe ô tô biển số 57M-TTTT đụng vào xe mô tô biển số 60B4-YYYY.YY do ông Lê Minh P điều khiển. Qua giám định, tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với ông P là 78%. Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xét xử bị cáo Phạm Ngọc T về “Tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông bộ”.

[2] Đơn kháng cáo của bị cáo và ông L.T.T1 trong hạn luật định là hợp lệ.

[3] Xét kháng cáo, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:

[3.1] Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo:

Nguyên nhân chính gây ra tai nạn là do Phạm Ngọc T điều khiển xe ô tô lưu thông không đúng phân đường quy định, dẫn đến phía sau bên trái xe ô tô va

chạm vào phía trước bên trái xe mô tô do ông P điều khiển (đang lưu thông hướng ngược chiều lại). Sau tai nạn, Phạm Ngọc T có xuống xe và thấy bị hại đang trong tình trạng nguy hiểm nhưng vẫn không cứu giúp bị hại mà điều khiển xe hướng huyện Củ Chi để đổ đất san lấp rồi đưa xe về bãi xe ở xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn để cất xe, không giữ nguyên hiện trường, không trình báo cơ quan công an về vụ tai nạn. Hành vi của bị cáo, đã vi phạm Điều 9, Điều 38 Luật Giao thông đường bộ.

Bị hại Lê Minh P điều khiển xe có dung tích xilanh 109 cm³ nhưng không có giấy phép lái xe theo quy định, có nồng độ cồn trong máu vượt mức quy định 125mg/50mg/100ml máu, chạy nhanh. Ông P vi phạm Điều 8, Điều 58 Luật Giao thông đường bộ, có phần lỗi phụ.

Như vậy, bị cáo Phạm Ngọc T tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thương tích cho bị hại với tỉ lệ tổn thương cơ thể là 78%, sau tai nạn, bị cáo điều khiển xe rời khỏi hiện trường, thuộc trường hợp “bỏ chạy để trốn tránh trách nhiệm hoặc cố ý không cứu giúp người bị nạn” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức hình phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù là đã xem xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội cùng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Tại phiên tòa phúc thẩm, không có tình tiết nào mới để xem xét cho bị cáo, mức hình phạt đã tuyên là phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm phần hình phạt.

[3.2] Đối với kháng cáo xin giảm mức tiền Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông L.T.T1 bồi thường thiệt hại cho bị hại Lê Minh P:

Quá trình điều tra xác định chiếc xe ô tô biển số 57M-TTTT do ông N.M.T2 đứng tên sở hữu. Ông T2 có Hợp đồng ủy quyền xe ô tô, được công chứng ngày 03/5/2018 tại Văn phòng công chứng DV (BL 141-143) ủy quyền cho L.T.T1 với nội dung ông T1 được toàn quyền nhân danh ông T2 thực hiện việc: quản lý, sử dụng, cho thuê, thanh lý hợp đồng thuê, giải quyết và quyết định các vấn đề liên quan đến bồi thường bảo hiểm và nhận tiền bồi thường bảo hiểm (nếu có)... Vào thời điểm xảy ra vụ án, ông L.T.T1 thuê bị cáo Phạm Ngọc T lái xe và trả tiền công.

Quá trình điều tra vụ án, ông Lê Minh P có Đơn ngày 10/10/2019 (BL 145) yêu cầu được bồi thường số tiền 465.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị hại chỉ yêu cầu được bồi thường tổng số tiền 350.000.000 đồng, gồm: chi phí cứu chữa, điều trị trong quá trình bị tai nạn; thu nhập thực tế của bị hại bị mất trong thời gian điều trị và sau điều trị đến nay không đi làm được, thu nhập thực tế bị mất khả năng lao động, chi phí thuê xe đi lại trong quá trình điều trị, thu nhập thực tế của người thân phải nghỉ làm để chăm sóc bị hại trong quá trình điều trị; chi phí cho việc sửa xe mô tô biển số 60B4-YYYY.YY bị hư hỏng nặng; khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần cho bị hại.

Trên cơ sở các quy định pháp luật dân sự (căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại, nguyên tắc bồi thường thiệt hại nói chung và trong trường hợp thiệt hại về sức khỏe nói riêng...), Hội đồng ủy quyền xe ô tô, được công chứng ngày 03/5/2018 tại Văn phòng công chứng DV và trên cơ sở nội dung yêu cầu của bị hại Lê Minh P, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định nghĩa vụ bồi thường dân sự và số tiền phải bồi thường cho bị hại của ông L.T.T1. Hiện không có tình tiết nào mới để xem xét cho yêu cầu của ông T1, mức bồi thường thiệt hại đã tuyên là phù hợp với các thiệt hại thực tế đã xảy ra và được căn cứ trên các quy định pháp luật dân sự nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông L.T.T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm phần nội dung này.

[4] Đối với việc bị cáo Phạm Ngọc T khai có tạm trú ở địa chỉ C375 khu phố Bình Hòa, phường Bình Nhâm, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương: Tại Biên bản xác minh ngày 05/7/2019, Công an phường Bình Nhâm, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương thể hiện: Phạm Ngọc T có đăng ký tạm trú tại địa chỉ “Số A1 KP BH, phường B1, thị xã C, tỉnh Bình Dương từ tháng 01 năm 2012 cho đến nay”. Hội đồng xét xử ghi nhận địa chỉ trên vào phần đầu của bản án.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc T và ông L.T.T1.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc T phạm “Tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 260; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/8/2019.

Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc ông L.T.T1 bồi thường cho ông Lê Minh P số tiền 350.000.000 (ba trăm năm mươi triệu) đồng, thi hành khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Ông L.T.T1 phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm. Tạm giữ số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0074156 ngày 12/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn (BL 276) để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của ông T1.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND huyện Hóc Môn; (1)
- P.PC53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại giam; (1)
- Bị hại; (2)
- Người có QLNVLQ; (3)
- Thi hành án huyện Hóc Môn; (2)
- TAND huyện Hóc Môn; (1)
- Công an huyện Hóc Môn; (1)
- UBND nơi BC cư trú; (2)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu, Tòa Hình sự, hồ sơ (30) (8).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Kim Loan